

Họ và tên:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 11

Lớp:

Môn: Toán – Lớp 5

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. $\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,9 B. 0,09 C. 0,009 D. 9,00

Câu 2. Hỗn số $3\frac{2}{5}$ được chuyển thành số thập phân là?

- A. 3,4 B. 0,4 C. 17,5 D. 32,5

Câu 3. Chữ số 5 trong số thập phân 12,25 có giá trị là?

- A. $\frac{5}{1000}$ B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{10000}$

Câu 4. Chín đơn vị, hai phần nghìn được viết là:

- A. 9,200 B. 9,2 C. 9,002 D. 9,02

Câu 5. $5\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 55 B. 550 C. 55000 D. 50500

Câu 6. Một người thợ may 15 bộ quần áo đồng phục hết 36 m vải. Hỏi nếu người thợ đó may 45 bộ quần áo đồng phục như thế thì cần bao nhiêu mét vải?

- A. 72 m B. 108 m C. 300m D. 81 m

II. TỰ LUẬN**Câu 1.** Tính:

- a) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$ b) $\frac{5}{2} - \frac{1}{3} : \frac{1}{6}$

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm :

- a) $5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$
 b) $2 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$
 c) $2608 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$
 d) $30000 \text{ hm}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

Câu 3. Chu vi của một thửa ruộng hình chữ nhật là 240 m. Chiều rộng kém chiều dài 20 m. Tính diện tích thửa ruộng đó.

.....

.....

.....
.....

Câu 4. Con kém mẹ 24 tuổi. Năm nay tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi, mẹ bao nhiêu tuổi?

.....
.....
.....
.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. $\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 0,9 B. 0,09 C. 0,009 D. 9,00

Phương pháp:

Áp dụng kiến thức: $\frac{1}{100} = 0,01$

Cách giải:

$\frac{9}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là 0,09

Chọn B

Câu 2. Hỗn số $3\frac{2}{5}$ được chuyển thành số thập phân là ?

- A. 3,4 B. 0,4 C. 17,5 D. 32,5

Phương pháp

Chuyển hỗn số thành hỗn số chứa phân số thập phân rồi viết dưới dạng số thập phân

Lời giải

$$3\frac{2}{5} = 3\frac{4}{10} = 3,4$$

Chọn A

Câu 3. Chữ số 5 trong số thập phân 12,25 có giá trị là ?

- A. $\frac{5}{1000}$ B. $\frac{5}{10}$ C. $\frac{5}{100}$ D. $\frac{5}{10000}$

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 5 rồi chỉ ra giá trị của chữ số đó trong số đã cho.

Lời giải

Chữ số 5 trong số thập phân 12,25 có giá trị là $\frac{5}{100}$

Chọn C

Câu 4. Chín đơn vị, hai phần nghìn được viết là:

- A. 9,200 B. 9,2 C. 9,002 D. 9,02

Phương pháp

Viết số lần lượt từ phần nguyên, dấu phẩy rồi đến phần thập phân

Lời giải

Chín đơn vị, hai phần nghìn được viết là: 9,002

Chọn C

Câu 5. $5\text{m}^2 5\text{dm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$. Số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. 55 B. 550 C. 55000 D. 50500

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m}^2 = 100 \text{dm}^2 = 10000 \text{cm}^2$

Lời giải

$$5\text{m}^2 5\text{dm}^2 = 50500 \text{cm}^2$$

Chọn D

Câu 6. Một người thợ may 15 bộ quần áo đồng phục hết 36 m vải. Hỏi nếu người thợ đó may 45 bộ quần áo đồng phục như thế thì cần bao nhiêu mét vải?

- A. 72 m B. 108 m C. 300m D. 81 m

Phương pháp

- Xét 45 bộ quần áo gấp 15 bộ quần áo bao nhiêu lần
- Số mét vải để may 45 bộ = số mét vải để may 15 bộ x số lần

Lời giải

45 bộ quần áo gấp 15 bộ quần áo số lần là: $45 : 15 = 3$ (lần)

May 45 bộ quần áo đồng phục như thế thì cần số mét vải là $36 \times 3 = 108$ (m)

Chọn B

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính:

a) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5}$

b) $\frac{5}{2} - \frac{1}{3} : \frac{1}{6}$

Phương pháp

- Muốn cộng (trừ) các phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số đó rồi cộng (trừ) các phân số sau khi quy đồng.
- Muốn chia hai phân số ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.

Lời giải

a) $\frac{2}{3} + \frac{4}{5} = \frac{10}{15} + \frac{12}{15} = \frac{22}{15}$

b) $\frac{5}{2} - \frac{1}{3} : \frac{1}{6} = \frac{5}{2} - \frac{1}{3} \times 6 = \frac{5}{2} - 2 = \frac{5}{2} - \frac{4}{2} = \frac{1}{2}$

Câu 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) $5 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

b) $2 \text{ km}^2 = \dots\dots\dots \text{ha}$

c) $2608 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{dam}^2 \dots\dots\dots \text{m}^2$

d) $30000 \text{ hm}^2 = \dots\dots\dots \text{ ha}$

Phương pháp

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ m}^2 = 10000 \text{ cm}^2$$

$$1 \text{ km}^2 = 100 \text{ ha} ; 100 \text{ m}^2 = 1 \text{ dam}^2$$

Lời giải

a) $5 \text{ m}^2 = \mathbf{50000} \text{ cm}^2$

b) $2 \text{ km}^2 = \mathbf{200} \text{ ha}$

c) $2608 \text{ m}^2 = \mathbf{26} \text{ dam}^2 \mathbf{8} \text{ m}^2$

d) $30000 \text{ hm}^2 = \mathbf{30000} \text{ ha}$

Câu 3. Chu vi của một thửa ruộng hình chữ nhật là 240 m. Chiều rộng kém chiều dài 20 m. Tính diện tích thửa ruộng đó.

Phương pháp

- Tìm nửa chu vi hình chữ nhật
- Tìm chiều rộng và chiều dài theo bài toán tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số
- Diện tích = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$240 : 2 = 120 \text{ (m)}$$

Chiều rộng thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$(120 - 20) : 2 = 50 \text{ (m)}$$

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$50 + 20 = 70 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng hình chữ nhật là:

$$70 \times 50 = 3500 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 3500 m^2

Câu 4. Con kém mẹ 24 tuổi. Năm nay tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi, mẹ bao nhiêu tuổi?

Phương pháp

Giải bài toán tìm hai số khi biết hiệu và tỉ số của hai số

Lời giải

Hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 2 = 3 \text{ (phần)}$$

Năm nay con có số tuổi là:

$$24 : 3 \times 2 = 16 \text{ (tuổi)}$$

Năm nay mẹ có số tuổi là:

$$16 + 24 = 40 \text{ (tuổi)}$$

Đáp số: Tuổi con: 16 tuổi

Tuổi mẹ: 40 tuổi